TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 7 năm 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Triệu Trung Tá.
Các Hội thẩm nhân dân: ông Lý Quang Minh, bà Thùng Thị Tâm.
- Thư ký phiên toà: Bà Lù Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị T L H, sinh năm: 20...
Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.
Bị đơn: Anh C L T, sinh năm: 19...
Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị T L H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2018, có đăng ký kết hôn với nhau ngày 17/6/2022, có giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã B cấp, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Cả hai chung sống hạnh phúc với nhau được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do cả hai không hiểu nhau, luôn bất đồng quan điểm sống. Vì vậy anh chị đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2022 cho đến nay, thời gian ly thân anh chị không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị H không còn tình cảm với chồng là anh T nữa nên chị quyết định ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung, tên là C T M, sinh ngày 14/11/2019 và C B N, sinh ngày 02/6/2020. hiện tại các cháu đang ở cùng anh T và ông nội. Sau khi ly hôn chị H nhất trí cho anh T nuôi dưỡng các cháu cho đến khi trưởng thành, chị H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh C L T trình bày: Việc anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng như lời khai của chị H. Sau khi chung sống với nhau thì anh chị vẫn chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì chị H ngoại tình với người đàn ông khác, ngoài ra không có lý do gì để dẫn đến anh chị phải ly hôn với nhau. Nếu chị H muốn ly hôn thì anh T không nhất trí, và yêu cầu chị H trả hết 30.000.000 đồng dùng để mua bạc làm tiền sính lễ thì anh T mới nhất trí ly hôn, tuy nhiên anh T không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh ngoài lời khai của anh về số tiền sính lễ anh yêu cầu chị H phải trả, chị H cũng thừa nhận có việc đưa sính lễ là đồng bạc trắng. Về con chung, anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả cháu M và cháu N cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung vợ chồng anh không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh T không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải cho anh chị, tuy nhiên tại buổi hòa giải anh chị cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Chị H có đơn đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 54, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tẩn Linh Hương, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị T L H được ly hôn với anh C L T. Về con chung: Giao cháu C T M và C B N cho anh C L T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào diễn biến phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T L H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh C L T. Chị H và anh T đều đăng ký hộ khẩu tại bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên vụ án được xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H và anh T chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hiểu nhau, luôn bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay và không còn yêu thương nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc cho nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, giải quyết cho chị T L H được ly hôn với anh C L T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung, tên là C T M, sinh ngày 14/11/2019 và C B N, sinh ngày 02/6/2020. Sau khi ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị H cũng nhất trí. Hiện các cháu ở cùng anh T, được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đảm bảo. Vì vậy, xét về điều kiện, hoàn cảnh, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu M và cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu của anh T: Yêu cầu chị H phải trả lại 30.000.000 đồng tiền sính lễ cho anh là không phù hợp với phong tục tập quán của dân tộc. Yêu cầu đòi sính lễ của anh T là phong tục lạc hậu về hôn nhân gia đình cần vận động xóa bỏ theo quy định của Nghị định số 126/2014/NĐ – CP ngày 31/12/2014 của Chính Phủ. Do đó yêu cầu của anh không được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự do là người dân tộc thiểu số sinh sống tại bản có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị T L H được ly hôn với anh C L T.

Về con chung: Giao cháu C T M, sinh ngày 14/11/2019 và C B N, sinh ngày 02/6/2020 cho anh C L T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C L T không yêu cầu chị T L H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản: Chị T L H và anh C L T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T L H được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Trung Tá